

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                         | Mã TTHC      | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                     | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã                                                             | 1.013791.H21 | Toàn trình   | Văn hóa                                      |    |
| 2   | Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 1.013793.H21 | Toàn trình   | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử |    |
| 3   | Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng          | 1.013794.H21 | Toàn trình   | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử |    |
| 4   | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng          | 1.013795.H21 | Toàn trình   | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử |   |
| 5   | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng              | 1.013792.H21 | Toàn trình   | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                               | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|--------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 6   | Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện | 2.002594.H21           | Toàn trình   | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 7   | Thăm viếng mộ liệt sĩ                                  | 1.010832.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Người có công                                        |    |
| 8   | Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước    | 2.002482.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục trung học                                   |    |
| 9   | Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.        | 2.002481.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục trung học                                   |   |
| 10  | Tuyển sinh trung học cơ sở                             | 3.000182.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục trung học                                   |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                           | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 11  | Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp | 1.008951.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 12  | Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp                       | 1.008950.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 13  | Xét, cấp học bổng chính sách                                                                                       | 1.002407.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 14  | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội                                                               | 1.001731.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Bảo trợ xã hội                                       |   |
| 15  | Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài                                                                    | 1.005143.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                            | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 16  | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa                                                                 | 1.001000.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Các cơ sở giáo dục khác |    |
| 17  | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em                                                                                                          | 1.004944.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Trẻ em                  |    |
| 18  | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em                             | 1.004946.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Trẻ em                  |    |
| 19  | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt          | 2.001947.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Trẻ em                  |   |
| 20  | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | 1.004941.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Trẻ em                  |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                   | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 21  | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em | 2.001944.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Trẻ em                                               |    |
| 22  | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế                           | 2.001942.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Trẻ em                                               |    |
| 23  | Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở                                                                                         | 1.005108.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục trung học                                   |    |
| 24  | Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở                                                                                             | 2.001904.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục trung học                                   |   |
| 25  | Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo                                                                                                     | 1.001622.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                      | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 26  | Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người | 1.003702.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 27  | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học                                                                                       | 1.005099.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục tiểu học                                    |    |
| 28  | Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú                                                                           | 1.005090.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Thi, tuyển sinh                                      |    |
| 29  | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục   | 1.001714.000.00.00.H21 | Toàn trình   | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |   |
| 30  | Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã                                                                          | 1.013791.H21           | Một phần     | Văn hóa                                              |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                         | Mã TTHC      | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 31  | Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 1.013793.H21 | Một phần     | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử         |    |
| 32  | Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng          | 1.013794.H21 | Một phần     | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử         |    |
| 33  | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng          | 1.013795.H21 | Một phần     | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử         |    |
| 34  | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng              | 1.013792.H21 | Một phần     | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử         |   |
| 35  | Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện                                                           | 2.002594.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                           | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 36  | Thăm viếng mộ liệt sĩ                                                                                              | 1.010832.000.00.00.H21 | Một phần     | Người có công                                        |    |
| 37  | Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước                                                                | 2.002482.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục trung học                                   |    |
| 38  | Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.                                                                    | 2.002481.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục trung học                                   |    |
| 39  | Tuyển sinh trung học cơ sở                                                                                         | 3.000182.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục trung học                                   |   |
| 40  | Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp | 1.008951.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                     | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 41  | Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp | 1.008950.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 42  | Xét, cấp học bổng chính sách                                                                 | 1.002407.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 43  | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội                                         | 1.001731.000.00.00.H21 | Một phần     | Bảo trợ xã hội                                       |    |
| 44  | Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài                                              | 1.005143.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |   |
| 45  | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa          | 1.001000.000.00.00.H21 | Một phần     | Các cơ sở giáo dục khác                              |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                            | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 46  | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em                                                                                                          | 1.004944.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em   |    |
| 47  | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em                             | 1.004946.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em   |    |
| 48  | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt          | 2.001947.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em   |    |
| 49  | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | 1.004941.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em   |   |
| 50  | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em          | 2.001944.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em   |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                      | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 51  | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế              | 2.001942.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em                                               |    |
| 52  | Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở                                                                            | 1.005108.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục trung học                                   |    |
| 53  | Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở                                                                                | 2.001904.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục trung học                                   |    |
| 54  | Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo                                                                                        | 1.001622.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |   |
| 55  | Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người | 1.003702.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                    | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 56  | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học                                                                                     | 1.005099.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục tiểu học                                    |    |
| 57  | Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú                                                                         | 1.005090.000.00.00.H21 | Một phần     | Thi, tuyển sinh                                      |    |
| 58  | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục | 1.001714.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 59  | Tuyển sinh trung học cơ sở                                                                                                  | 3.000182.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục trung học                                   |   |
| 60  | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp                                             | 2.002308.000.00.00.H21 | Một phần     | Người có công                                        |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                          | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 61  | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh                                                                                                                                                                                             | 2.002307.000.00.00.H21 | Một phần     | Người có công                                        |    |
| 62  | Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp                                                                                                                                | 1.008951.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 63  | Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp                                                                                                                                                      | 1.008950.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 64  | Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | 1.008725.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |   |
| 65  | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận                                                                    | 1.008724.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                            | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                     | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 66  | Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe cấp huyện                                      | 1.005358.000.00.00.H21 | Một phần     | Quản lý nhà nước về hội, quỹ |    |
| 67  | Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe                                   | 1.005201.000.00.00.H21 | Một phần     | Quản lý nhà nước về hội, quỹ |    |
| 68  | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã                                                                                                                             | 1.003622.000.00.00.H21 | Một phần     | Văn hóa                      |    |
| 69  | Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở                                                                                                                         | 2.000794.000.00.00.H21 | Một phần     | Thể dục thể thao             |   |
| 70  | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã | 2.002284.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục nghề nghiệp         |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                                                          | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 71  | Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến                                                                                                            | 2.001157.000.00.00.H21 | Một phần     | Người có công                                        |    |
| 72  | Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến                                                                                                         | 2.001396.000.00.00.H21 | Một phần     | Người có công                                        |    |
| 73  | Xét, cấp học bổng chính sách                                                                                                                                                                      | 1.002407.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 74  | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài | 2.001960.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục nghề nghiệp                                 |   |
| 75  | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng                                                                                      | 1.001776.000.00.00.H21 | Một phần     | Bảo trợ xã hội                                       |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                    | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực          | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 76  | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội                                        | 1.001731.000.00.00.H21 | Một phần     | Bảo trợ xã hội    |    |
| 77  | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội                           | 2.000282.000.00.00.H21 | Một phần     | Bảo trợ xã hội    |    |
| 78  | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học                                                        | 1.004563.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục tiểu học |    |
| 79  | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội | 2.000286.000.00.00.H21 | Một phần     | Bảo trợ xã hội    |   |
| 80  | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội                                              | 2.000477.000.00.00.H21 | Một phần     | Bảo trợ xã hội    |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 81  | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a                                                                                                                                                                                                                                                | 1.004964.000.00.00.H21 | Một phần     | Người có công                                        |    |
| 82  | Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 1.001257.000.00.00.H21 | Một phần     | Người có công                                        |    |
| 83  | Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1.005143.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 84  | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa                                                                                                                                                                                                                                                               | 1.001000.000.00.00.H21 | Một phần     | Các cơ sở giáo dục khác                              |   |
| 85  | Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1.000288.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                          | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|-------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 86  | Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia                      | 1.000280.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 87  | Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục   | 1.000715.000.00.00.H21 | Một phần     | Kiểm định chất lượng giáo dục                        |    |
| 88  | Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục  | 1.000713.000.00.00.H21 | Một phần     | Kiểm định chất lượng giáo dục                        |    |
| 89  | Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục | 1.000711.000.00.00.H21 | Một phần     | Kiểm định chất lượng giáo dục                        |   |
| 90  | Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia                     | 1.000691.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                   | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 91  | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn | 2.000355.000.00.00.H21 | Một phần     | Bảo trợ xã hội             |    |
| 92  | Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật                                                   | 1.001653.000.00.00.H21 | Một phần     | Bảo trợ xã hội             |    |
| 93  | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân                     | 2.001661.000.00.00.H21 | Một phần     | Phòng, chống tệ nạn xã hội |    |
| 94  | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật                | 1.001699.000.00.00.H21 | Một phần     | Bảo trợ xã hội             |   |
| 95  | Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em                                              | 1.004944.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em                     |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                            | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 96  | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em                             | 1.004946.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em   |    |
| 97  | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt          | 2.001947.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em   |    |
| 98  | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | 1.004941.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em   |    |
| 99  | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em          | 2.001944.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em   |   |
| 100 | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế                                    | 2.001942.000.00.00.H21 | Một phần     | Trẻ em   |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                      | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 101 | Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở                                                                            | 1.005108.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục trung học                                   |    |
| 102 | Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở                                                                                | 2.001904.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục trung học                                   |    |
| 103 | Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo                                                                                        | 1.001622.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |    |
| 104 | Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người | 1.003702.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |   |
| 105 | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học                                                                                       | 1.005099.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục tiểu học                                    |  |

**DANH MỤC**  
**110 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG/BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ**  
**TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                    | Mã TTHC                | Mức độ DVCTT | Lĩnh vực                                             | MÃ QR TTHC                                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 106 | Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)                              | 1.001639.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục tiểu học                                    |    |
| 107 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục                                                                                 | 2.001842.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục tiểu học                                    |    |
| 108 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại                                                                         | 1.004552.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục tiểu học                                    |    |
| 109 | Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú                                                                         | 1.005090.000.00.00.H21 | Một phần     | Thi, tuyển sinh                                      |   |
| 110 | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục | 1.001714.000.00.00.H21 | Một phần     | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |  |